

Số: 1090 /QĐ-CĐCĐ

Kon Tum, ngày 29 tháng 8 năm 2022

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển ngành, nghề Công tác xã hội  
trình độ cao đẳng, hệ chính quy năm 2022 (Đợt 1)**

### **HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM**

*Căn cứ Quyết định số 1671/QĐ-LĐTĐ ngày 24/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Kon Tum, Trường Cao đẳng Sư phạm Kon Tum, Trường Trung cấp Y tế Kon Tum, Trường Trung cấp nghề Kon Tum thành Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;*

*Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng;*

*Căn cứ Quyết định số 1452/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành Quy chế tạm thời về tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BLĐTBXH ngày 07/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định Quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;*

*Căn cứ Quyết định số 56/QĐ-CĐCĐ ngày 07/01/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Cộng đồng Kon Tum về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ cao đẳng, trung cấp, sơ cấp và đào tạo thường xuyên năm 2022;*

*Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh ngày 29/8/2022 về việc xét tuyển ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng, hệ chính quy năm 2022 (Đợt 1);*

*Xét đề nghị của Trưởng Ban Thư ký Hội đồng tuyển sinh và Trưởng phòng Đào tạo.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận thí sinh trúng tuyển ngành, nghề Công tác xã hội, trình độ cao đẳng, hệ chính quy năm 2022 (Đợt 1), có danh sách tại Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các đơn vị thuộc Trường, các thí sinh có tên tại Điều 1 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Các thành viên HĐTS;
- Ban Thư ký HĐTS;
- Đăng Website Trường;
- Lưu: VT, KCB.

**HIỆU TRƯỞNG**



**Lê Trí Khải**

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NGÀNH, NGHỀ CÔNG TÁC XÃ HỘI**  
**TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG, HỆ CHÍNH QUY NĂM 2022 (ĐỢT 1)**  
**CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG KON TUM**

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN THPT	Hộ khẩu thường trú	ĐT UT	KV UT	Văn	Sử	Địa	Tổng điểm XT
1.	A Bảo	02/3/2003	Nam	Hà Lãng	Kon Tum	2021	Rờ Koi, Sa Thầy, Kon Tum	01	01	5.1	4.8	6.3	18.95
2.	Y Bưởi	10/9/2004	Nữ	Xê Đăng	Kon Tum	2022	Măng Ri, Tu Mơ Rông, Kon Tum	01	01	5.8	7.0	6.3	21.85
3.	Y Chem	15/5/1997	Nữ	Gia Rai	Kon Tum	2018	Làng Chốt, Sa Thầy, Kon Tum	01	01	6.4	6.3	6.0	21.45
4.	Y Chênh	15/7/2004	Nữ	Xê Đăng	Kon Tum	2022	Măng Bút, Kon Plông, Kon Tum	01	01	6.5	6.7	7.3	23.25
5.	Nguyễn Chung	22/3/2004	Nam	Sơ Drá	Kon Tum	2022	Ngok Wang, Đăk Hà, Kon Tum	01	01	6.4	7.0	7.5	23.65
6.	Y Dầu	01/01/2004	Nữ	Xơ Đăng	Kon Tum	2022	Đăk Na, Tu Mơ Rông, Kon Tum	01	01	6.5	5.7	7.0	21.95
7.	Vũ Thị Hương	02/6/1989	Nữ	Kinh	Nghệ An	2007	TP. Kon Tum, Kon Tum		01	4.1	4.3	5.1	14.25

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN THPT	Hộ khẩu thường trú	ĐT UT	KV UT	Văn	Sử	Địa	Tổng điểm XT
8.	Y Lạc	01/4/2004	Nữ	Ba Na	Kon Tum	2022	TP. Kon Tum, Kon Tum	01	01	6.3	6.5	7.6	23.15
9.	A Lạt	18/12/2004	Nam	Sơ Drá	Kon Tum	2022	Đắk Ui, Đắk Hà, Kon Tum	01	01	6.2	6.9	6.9	22.75
10.	Y My Lim	15/10/2004	Nữ	Gia Rai	Kon Tum	2022	TP. Kon Tum, Kon Tum	01	01	6.3	6.6	8.5	24.15
11.	Y Linh	19/01/2000	Nữ	Xê Đăng	Kon Tum	2018	Ngọc Yêu, Tu Mơ Rông, Kon Tum	01	01	6.5	7.2	5.9	22.35
12.	Y Lý	01/7/2004	Nữ	Rơ Măm	Kon Tum	2022	Mô Rai, Sa Thầy, Kon Tum	01	01	6.5	6.5	6.1	21.85
13.	Y Mẻo	16/7/2004	Nữ	Xê Đăng	Kon Tum	2022	Đắk Tờ Kan, Tu Mơ Rông, Kon Tum	01	01	7.0	6.9	8.2	24.85
14.	Nguyễn Bá Phi	23/12/2003	Nam	Kinh	Kon Tum	2021	Bờ Y, Ngọc Hồi, Kon Tum		01	5.7	7.0	7.8	21.25
15.	Đặng Mạnh Quân	27/3/1992	Nam	Kinh	Vĩnh Phúc	2010	TP. Kon Tum, Kon Tum.		01	5.6	7.2	7.0	20.55
16.	Nguyễn Cao Như Quỳnh	14/7/2003	Nữ	Kinh	Gia Lai	2021	Cư An, Đắk Pơ, Gia Lai		01	6.5	6.5	7.5	21.25
17.	Lê Trung Tài	09/11/2001	Nam	Kinh	Kon Tum	2019	TP. Kon Tum, Kon Tum		01	6.2	5.4	6.6	18.95
18.	Văn Tiến Thông	07/3/1993	Nam	Kinh	Kon Tum	2012	TP. Kon Tum, Kon Tum		01	5.2	7.3	5.6	18.85

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	Năm TN THPT	Hộ khẩu thường trú	ĐT UT	KV UT	Văn	Sử	Địa	Tổng điểm XT
19.	Y Thương	15/7/2004	Nữ	Ka Dong	Kon Tum	2022	Đắk Ring, Kon Plong, Kon Tum	01	01	6.1	7.0	6.7	22.55
20.	Y Thuỷ	13/4/2004	Nữ	Xê Đăng	Kon Tum	2022	Ngọc Tụ, Đắk Tô, Kon Tum	01	01	6.0	7.0	7.1	22.85
21.	Nguyễn Hoàng Trúc Linh	02/01/2004	Nữ	Kinh	Kon Tum	2022	TP. Kon Tum, Kon Tum		01	5.3	7.3	8.2	21.55
22.	Y Viện	20/5/2004	Nữ	Sơ Rá	Kon Tum	2022	Đắk Ui, Đắk Hà, Kon Tum	01	01	7.3	7.7	7.7	25.45
23.	Y Xem	25/8/2004	Nữ	Xê Đăng	Kon Tum	2022	Đắk Na, Tu Mơ Rông, Kon Tum	01	01	6.3	5.6	6.4	21.05

Danh sách này có: 23 thí sinh./.

*Trong đó:*

*Nam: 7;*

*Nữ: 16;*

*Dân tộc thiểu số: 16;*

*Tốt nghiệp THPT: 23.*